TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ - ST
Ngày 28– 6 - 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hoàng Tỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Minh Chiến.

Bà Bùi Ngọc Dung.

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Ông Hồng Quang P – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 04/TB – TA ngày 27/6/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1989; cư trú tại Khóm S, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Bùi Thu S, sinh năm 1989; cư trú tại Khóm S, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 26 tháng 4 năm 2019 chị Nguyễn Ngọc N trình bày: Chị và anh Bùi Thu S tự nguyện chung sống với nhau năm 2010, trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND thị trấn R, huyện N. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, không quan tâm thương yêu lẫn nhau, thường hay cự cãi. Hiện nay chị và anh S đã ly thân với nhau gần sáu năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Thu S.

Về con chung: Chị và anh Bùi Thu S có ba người con chung tên: Bùi Quốc B, sinh năm 2010; Bùi Thị Bảo T, sinh năm 2012 và Bùi Quốc A, sinh năm 2014 hiện nay đang sống cùng chị N. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi ba người con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 26 tháng 05 năm 2019 anh Bùi Thu S trình bày: Anh đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển có liên quan đến anh, anh xác định hiện nay hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Ngọc N.

Về con chung hiện nay ba người con đang sống cùng chị N, sau khi ly hôn con theo ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xác định hiện nay vì điều kiện công việc nên anh đề nghị xin Tòa án được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày và không khiếu nại về việc vắng mặt của mình.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Nguyễn Ngọc N có mặt vẫn bảo lưu quan điểm không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc N. Giao ba người con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi

con. Anh Bùi Thu S được thăm nom, chăm sóc con theo luật định. Chị Nguyễn Ngọc N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc N và bị đơn anh Bùi Thu S Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Bùi Thu S có đơn đề nghị vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt anh Bùi Thu S tại phiên tòa.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc N và anh Bùi Thu S được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc N và anh Bùi Thu S được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng mặt dù đã được hàn gắn tuy nhiên vẫn không mang lại kết quả, hiện nay chị N và anh S đã ly thân gần sáu năm nay. Chị N xác định hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị N yêu cầu ly hôn với anh S. Tại đơn vắng mặt ngày 26/5/2019 anh S đồng ý ly hôn với chị N. Tại phiên tòa ngày hôm nay chị N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh S. Xét thấy hôn nhân của chị N và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh S.

[4] Về con chung chị N và anh S có ba người con chung tên: Bùi Quốc B, sinh năm 2010; Bùi Thị Bảo T, sinh năm 2012 và Bùi Quốc A, sinh năm 2014 hiện nay đang sống cùng chị N. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi ba người con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh S tùy theo nguyện vọng của con theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy hiện nay Bùi Quốc B, sinh năm 2010; Bùi Thị Bảo T, sinh năm 2012 hiện nay đang sống cùng chị N và đã trên bảy tuổi. Tại đơn nguyện vọng ngày 23/5/2019 của Bùi Quốc B và Bùi Thị Bảo T đều có có nguyện vọng được sống cùng chị N, đối với Bùi Quốc A hiện nay đang sống cùng chị N. Hiện nay ba người con đang sống cùng chị N vẫn phát triển bình thường về mọi mặc do đó cần tiếp tục giao con cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp theo quy đinh tại

khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

[5] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị N phải nộp 300.000 đồng. Chị N đã dự nộp 300.000 đồng được chuyển thu.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Bùi Thu S tại phiên tòa.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc N và anh Bùi Thu S.

Giao ba người con chung tên: Bùi Quốc B, sinh năm 2010; Bùi Thị Bảo T, sinh năm 2012 và Bùi Quốc A, sinh năm 2014 hiện nay đang sống cùng chị Nguyễn Ngọc N cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Thu S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị Nguyễn Ngọc N.

Tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Ngọc N phải nộp 300.000 đồng. Chị Nguyễn Ngọc N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005704 ngày 02/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND TT R, huyện N;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Tỷ